

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 25 - 3 -2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Ngô Thị Diệu.

Ông Trịnh Văn Lực.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Việt T, sinh năm 1984; thường trú: Xóm 3, xã B, huyện Đ, tỉnh N; tạm trú: Số 4, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Đăng N, sinh năm 1983; thường trú: Khu 7, xã P, huyện T, tỉnh P; địa chỉ sinh sống: E53, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, N vụ liên quan:* Bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 3, xã B, huyện Đ, tỉnh N. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: 3/8, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Việt T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Việt T và Anh Bùi Đăng N tự nguyện yêu nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh P cấp ngày 31/01/2005.

Sau khi kết hôn và sống chung, vợ chồng chị T và anh N thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Anh N không lo lắng chăm sóc gia đình, vay tiền lãi cao để cá độ bóng đá. Nhiều lần chị T phải đứng ra trả nợ cho anh N. Ngoài ra anh N còn có hành vi đánh đập, có lời lẽ xúc phạm chị T. Khi xảy ra mâu thuẫn chị T có nói chuyện với gia đình hai bên, đã nhiều lần khuyên răn, động viên để hai vợ chồng hòa hợp nhau nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được. Hai vợ chồng anh chị đã ly thân thời gian dài, tình cảm không còn. Nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Đăng T, sinh ngày 22/5/2005. Con chung đang ở với bà ngoại là bà Trần Thị Thanh V. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Chị hiện làm Công nhân Công ty, thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

N vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn Anh Bùi Đăng N:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh N để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào ngày 08-3-2022, 25-3-2022 nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Anh N cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2021, người có quyền lợi, N vụ liên quan là bà Trần Thị Thanh V trình bày:*

Chị T là con ruột của bà, anh N là con rể. Sau khi kết hôn chị T và anh N không sống chung với bà mà sống ở Bình Dương. Về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thì bà không rõ do ở xa. Cháu Tình ở với bà từ lúc 02 tuổi cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn và mong muốn nuôi con thì bà nhất trí, không có ý kiến gì khác.

*Tại bản tự khai ngày 14/12/2021, người làm chứng chị Bùi Thị H trình bày:*

Trước đây chị có sống gần phòng trọ của chị T và anh N. Chị có chứng kiến vợ chồng chị T và anh N cãi vã và anh N có hành vi đánh đập chị T nhiều

lần. Theo như chị được biết nguyên nhân là do anh N vay tiền để cá độ bóng đá và rủ bạn bè đến nhậu nhẹt.

- *Biên bản xác minh ngày 12/5/2021 tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường A thể hiện:* Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải cơ sở về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung của hai anh chị.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và N vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và N vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, N vụ liên quan và người làm chứng trong vụ án có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn Anh Bùi Đăng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 08-3-2022, 25-3-2022 tuy nhiên anh N vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Việt T và Anh Bùi Đăng N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh P cấp ngày 31/01/2005 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị T xác định quá trình chung sống với nhau vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không quan tâm, chăm sóc vợ con, anh N bạo hành và có lời lẽ xúc phạm chị T, vợ chồng chị đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được. Trình bày của chị T phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập anh N để tự khai, tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Anh N cũng không nộp, gửi văn bản trình bày ý kiến của mình, không thể hiện ý chí mong muốn níu kéo

hạnh phúc gia đình. Hiện tại anh chị không còn sống chung với nhau, không quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh chị không thể hàn gắn, anh N có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng các quyền và N vụ của vợ và chồng theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T khai quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu: Bùi Đăng T, sinh ngày 22/5/2005. Cháu Tình ở với bà ngoại từ nhỏ. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét chị T hiện nay làm công nhân, có thu nhập ổn định. Việc chị mong muốn nuôi con cũng phù hợp với ý kiến của cháu Tình về việc muốn sống chung với mẹ và bà Trần Thị Thanh V là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tình cũng nhất trí. Do đó, yêu cầu của chị T về việc được giao quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và N vụ chung về tài sản : Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Việt T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 70, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Việt T đối với Anh Bùi Đăng N về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Việt T được ly hôn với Anh Bùi Đăng N (Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh P cấp ngày 31/01/2005).

- Về con chung: Anh Bùi Đăng N, bà Trần Thị Thu Vân giao cháu Bùi Đăng T, sinh ngày 22/5/2005 cho chị Lê Thị Việt T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Việt T về việc không yêu cầu Anh Bùi Đăng N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Lê Thị Việt T và Anh Bùi Đăng N đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh N lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và N vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Việt T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003024 ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngân**

